

Số: 06/2025/QĐST-HNGĐ

Lai Châu, ngày 22 tháng 08 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 02/2025/TLST- HNGĐ, ngày 17 tháng 07 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - L, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn, chị:* Lường Thị T, sinh ngày 05/02/1985 - Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Tổ dân phố N, xã H, tỉnh L; số CCCD: 014185003324.
2. *Bị đơn, anh:* Lò Văn P, sinh năm 1984 - Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Tổ dân phố N, xã H, tỉnh L; số CCCD: 012084000758.

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57, 81,82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 08 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc tự nguyện thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 08 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH.

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lường Thị T, sinh ngày 05/02/1985 và anh Lò Văn P, sinh năm 1984 - Có cùng nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Tổ dân phố N, xã H, tỉnh L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lường Thị T và anh Lò Văn P, thoả thuận, nhất trí: Thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung:* Chị Lường Thị T và anh Lò Văn P, thoả thuận, nhất trí, sau khi ly hôn. Giao 01 con chung là Lò Linh S, sinh ngày 26/12/2015 (09 tuổi) cho anh Lò Văn P là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Lường Thị T không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

2.3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị Lường Thị T và anh Lò Văn P,

thỏa thuận, nhất trí. Không yêu cầu tòa án giải quyết.

2.4. *Về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân*: Chị Lường Thị T và anh Lò Văn P, thỏa thuận, nhất trí tự giải quyết. Không yêu cầu tòa án giải quyết.

2.5. *Về nợ chung, nợ riêng trong thời kỳ hôn nhân*: Chị Lường Thị T và anh Lò Văn P, thỏa thuận, nhất trí tự giải quyết. Không yêu cầu tòa án giải quyết.

2.6. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Là 150.000 đồng, anh Lò Văn P và chị Lường Thị T. Mỗi người phải chịu số tiền là 75.000 đồng. Chị Lường Thị T nhận nộp thay cho anh Lò Văn P số tiền 75.000 đồng.

- Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Lường Thị T phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, tổng số tiền là 150.000 đồng.

Được khấu trừ trong tổng số tiền 300.000 đồng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án ký hiệu: BLTU/23, số 0000747, ngày 17/07/2025. Tại phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - L.

- Trả lại cho chị Lường Thị T, sinh ngày 05/02/1985 - Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Tổ dân phố N, xã H, tỉnh L; số CCCD: 014185003324; số điện thoại 0372638687 - Số tiền 150.000 đồng tạm ứng án phí, lệ phí tòa án đã nộp theo quy định của pháp luật.

- Anh Lò Văn P, không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSNDKV 4 - L;
- PTHADS KV 4 - L;
- UBND xã H, tỉnh L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lò Xuân Hải